TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2019
Về việc Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH ĐỒNG THÁP
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thế Trung
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Minh Tân
2. Ông Nguyễn Hùng Cường

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Thùy Trâm, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Nhạn**,** Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tiến hành công khai xét xử vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 139/2019/TLST-HNGĐ ngày 11/4/2019 về việc "Tranh chấp Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2019/QĐXX- ST, ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Thái Thị Th – sinh năm 1973
Địa chỉ: ấp H, xã N,, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Ung Văn M – sinh năm 1975
Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 29/3/2019 và biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Thái Thị Th, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh M chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1995, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không hàn gắn được, dẫn đến ly hôn. Thời gian chung sống với nhau chị Th và anh M có sinh được 02 người con tên Ung Thanh D, sinh ngày 01/01/1996 và Ung Thanh H, sinh ngày 18/01/2003, anh M đang nuôi Ung Thanh H, chị Th đồng ý để anh M tiếp

tục nuôi cháu H sau khi ly hôn, chị Th không đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu H. Đối với Ung Thanh D đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: chị Th và anh M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Bị đơn: anh Ung Văn M trình bày: anh M và chị Th chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1995, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không hàn gắn được, dẫn đến ly hôn. Thời gian chung sống với nhau anh M và chị Th có sinh được 02 người con tên Ung Thanh D, sinh ngày 01/01/1996 và Ung Thanh H, sinh ngày 18/01/2003, anh M đang nuôi Ung Thanh H, chị Th đồng ý để anh M tiếp tục nuôi cháu H sau khi ly hôn, anh M không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi cháu H. Đối với Ung Thanh D đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: anh M và chị Thtự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyêt.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán đã thực hiện đúng qui định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án. Về thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng qui định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 71,72, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên toà Kiểm sát Viên phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14, khỏan 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thái Thị Th và anh Ung Văn M. Giao cháu Ung Thanh H, sinh ngày 18/01/2003 cho anh Ung Văn Mtiếp tục nuôi dưỡng cháu H sau khi ly hôn, anh M không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi cháu H. Chị Th được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, các thành viên trong gia đình anh Ung Văn M không ai được quyền cản trở. Đối với Ung Thanh D đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân*:* Vào năm 1995 chị Th và anh M chung sống với nhau như vợ chồng, có làm lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chị Th và anh M sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và từ năm 2016 cho đến nay, chị Th, anh M sống ly thân cho đến nay. Hiện nay tình cảm giữa chị Th và anh M không còn nên chị Th yêu cầu ly hôn với anh M, anh M đồng ý ly hôn với chị Th.

Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

" Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo qui định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…."

Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình qui định:

" Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo qui định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này…"

Xét thấy chị Th và anh M sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1995, tính đến nay đã có đủ điều kiện kết hôn nhưng chị Th và anh M lại không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Th và anh M.

[2] Về con chung*:* có 02 người con chung tên Ung Thanh D, sinh ngày 01/01/1996 và Ung Thanh H, sinh ngày 18/01/2003, anh M đang nuôi Ung Thanh H, anh M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H sau khi ly hôn, chị Th đồng ý để anh M tiếp tục nuôi dưỡng cháu H sau khi ly hôn, anh M không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi cháu H. Đối với Ung Thanh D đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] Về nợ chung: không có

[5] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm*:* Căn cứ Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Nước Công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nên Chị Thanh phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Nước Công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên Xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thái Thị Th với anh Ung Văn M.

- Về con chung: Giao con tên: Ung Thanh H, sinh ngày 18/01/2003 cho anh Ung Văn M tiếp tục nuôi dưỡng cháu H sau khi ly hôn, anh M không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi cháu H. Chị Th được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, các thành viên trong gia đình anh Ung Văn M không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: chị Th và anh M tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung*:* Không có.

- Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Thái Thị Th nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai thu số 0009960 ngày 11/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành sẽ được chuyển thành án phí hôn nhân gia đình chị Th phải nộp (chị Th đã nộp xong).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thị hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án, quyết định của tòa án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp (1);
- Viện kiểm sát ND. H Châu Thành(1);
- Chi cục Thi hành án DS.H Châu Thành (1);
- Lưu Văn phòng(1);
- Lưu HSVA(1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Thế Trung